

PHÒNG BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp trên phần mềm - MH1104274

Mã lớp học phần: 24311MH110427401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chọn	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005	C25KT1		8,5	Tám, năm	L2
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	21/03/2005	C25KT1		7,0	Bảy	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005	C25KT1		7,0	Bảy	
4	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1		7,0	Bảy	
5	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1		7,0	Bảy	
6	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1		6,7	Sáu, bảy	
7	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1		8,0	Tám	
8	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1		6,7	Sáu, bảy	
9	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1		6,7	Sáu, bảy	
10	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1		6,7	Sáu, bảy	
11	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1		7,4	Bảy, bốn	
12	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1		8,0	Tám	
13	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1		6,7	Sáu, bảy	
14	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1		6,7	Sáu, bảy	
15	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1		6,7	Sáu, bảy	
16	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1		8,0	Tám	
17	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1		8,0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 . Số bài thi: 17 / 17 .

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 .

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 21 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp trên phần mềm - MH1104274

Mã lớp học phần: 24311MH110427401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chọn	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005	C25KT1	Chữ	8,0	Tám	L2
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gám	21/03/2005	C25KT1	Hồng	6,8	Sáu, tám	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005	C25KT1	Hiền	6,6	Sáu, sáu	
4	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1	Khanh	6,6	Sáu, sáu	
5	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1	Miền	6,8	Sáu, tám	
6	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1	Hồng	6,2	Sáu, hai	
7	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1	Thái	7,5	Bảy, năm	
8	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1	Thư	6,3	Sáu, ba	
9	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1	Thư	6,3	Sáu, ba	
10	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1	Trang	6,3	Sáu, ba	
11	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1	Trâm	6,9	Sáu, chín	
12	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1	Trâm	7,5	Bảy, năm	
13	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1	Trâm	6,3	Sáu, ba	
14	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1	Tuyền	6,3	Sáu, ba	
15	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1	Vy	6,3	Sáu, ba	
16	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1	Yến	7,5	Bảy, năm	
17	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1	Yến	7,5	Bảy, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 Số bài thi: 17 / 17

Ngày 29 tháng 5 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Ngày 28 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp trên phần mềm - MH1104274

Mã lớp học phần: 24311MH110427401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Huy	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110036	Nguyễn Gia	Huy	28/01/2005	C25KT2		8,0	Tám	
2	2310110029	Từ Thiện	Hữu	14/01/2005	C25KT2		6,5	Sáu, năm	
3	2310110034	Hà Đặng Công	Minh	22/06/2005	C25KT2		7,0	Bảy	
4	2310110035	Phạm Thu	Ngân	26/02/2005	C25KT2		7,0	Bảy	
5	2310110037	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	21/06/2005	C25KT2		6,5	Sáu, năm	
6	2310110030	Ngô Thị Thảo	Ngọc	18/01/2005	C25KT2		6,8	Sáu, tám	
7	2310110050	Nguyễn Kim	Ngọc	09/06/2004	C25KT2		8,0	Tám	
8	2310110043	Đặng Thị Quỳnh	Như	10/01/2005	C25KT2		7,6	Bảy, sáu	
9	2310110051	Trần Thị Yến	Oanh	03/07/2005	C25KT2		8,0	Tám	
10	2310110049	Nguyễn Nhựt Hà	Quỳnh	01/10/2005	C25KT2		7,8	Bảy, tám	
11	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia	Quỳnh	02/09/2005	C25KT2		8,0	Tám	
12	2310110027	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/12/2005	C25KT2		6,5	Sáu, năm	
13	2310110045	Lại Thụy Thanh	Trúc	11/03/2005	C25KT2		8,0	Tám	
14	2310110046	Bùi Thị Ánh	Tuyết	17/06/2005	C25KT2		8,5	Tám, năm	
15	2310110048	Mai Thị Thê	Vy	12/09/2005	C25KT2				
16	2310110028	Nguyễn Thị Yến	Vy	26/09/2005	C25KT2		6,7	Sáu, bảy	
17	2310120002	Nguyễn Thị Như	Ý	13/05/2002	C25KT2		8,5	Tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 01 . Số bài thi: 16 / 16 .

Ngày 22 tháng 5 năm 2025

Ngày 22 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kế toán doanh nghiệp trên phần mềm - MH1104274

Mã lớp học phần: 24311MH110427401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110036	Nguyễn Gia Huy	28/01/2005	C25KT2		7,5	Bảy, năm	
2	2310110029	Từ Thiện Hữu	14/01/2005	C25KT2		6,0	Sáu	
3	2310110034	Hà Đặng Công Minh	22/06/2005	C25KT2		6,6	Sáu, sáu	
4	2310110035	Phạm Thu Ngân	26/02/2005	C25KT2		6,5	Sáu, năm	
5	2310110037	Nguyễn Hoàng Nghĩa	21/06/2005	C25KT2		6,0	Sáu	
6	2310110030	Ngô Thị Thảo Ngọc	18/01/2005	C25KT2		6,4	Sáu, bốn	
7	2310110050	Nguyễn Kim Ngọc	09/06/2004	C25KT2		7,5	Bảy, năm	
8	2310110043	Đặng Thị Quỳnh Như	10/01/2005	C25KT2		7,3	Bảy, ba	
9	2310110051	Trần Thị Yến Oanh	03/07/2005	C25KT2		7,5	Bảy, năm	
10	2310110049	Nguyễn Nhứt Hà Quyên	01/10/2005	C25KT2		7,4	Bảy, bốn	
11	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia Quỳnh	02/09/2005	C25KT2		8,0	Tám	
12	2310110027	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/12/2005	C25KT2		6,0	Sáu	
13	2310110045	Lại Thụy Thanh Trúc	11/03/2005	C25KT2		7,8	Bảy, tám	
14	2310110046	Bùi Thị Ánh Tuyết	17/06/2005	C25KT2		8,0	Tám	
15	2310110048	Mai Thị Thế Vy	12/09/2005	C25KT2				
16	2310110028	Nguyễn Thị Yến Vy	26/09/2005	C25KT2		6,3	Sáu, ba	
17	2310120002	Nguyễn Thị Như Ý	13/05/2002	C25KT2		8,0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 01. Số bài thi: 16 / 16.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 28 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Môn học : Kế toán doanh nghiệp trên phần mềm - MH1104274

Mã lớp học phần: 24311MH110427401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 22/07/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên:

Giám thị 2: Trần Thị Tuyền

Ký tên:

Giám thị 3: Dương Minh Tâm

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Chọn	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005			9,7	Chín, bảy	C25KT1	
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gám	21/03/2005			5,6	Năm, sáu	C25KT1	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005			6,5	Sáu, năm	C25KT1	
4	2310110036	Nguyễn Gia	Huy	28/01/2005			7,9	Bảy, chín	C25KT2	
5	2310110029	Từ Thiện	Hữu	14/01/2005			4,4	Bốn, bốn	C25KT2	
6	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005			3,6	Ba, sáu	C25KT1	
7	2310110001	Lê Chi	Miền	19/03/2002			5,8	Năm, tám	C25KT1	
8	2310110034	Hà Đăng Công	Minh	22/06/2005			7,9	Bảy, chín	C25KT2	
9	2310110035	Phạm Thu	Ngân	26/02/2005			2,8	Hai, tám	C25KT2	
10	2310110037	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	21/06/2005			4,9	Bốn, chín	C25KT2	
11	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005			6,4	Sáu, bốn	C25KT1	
12	2310110030	Ngô Thị Thảo	Ngọc	18/01/2005			5,1	Năm, một	C25KT2	
13	2310110050	Nguyễn Kim	Ngọc	09/06/2004			7,2	Bảy, hai	C25KT2	
14	2310110043	Đặng Thị Quỳnh	Như	10/01/2005			6,3	Sáu, ba	C25KT2	
15	2310110051	Trần Thị Yến	Oanh	03/07/2005			6,2	Sáu, hai	C25KT2	
16	2310110049	Nguyễn Nhựt Hà	Quỳnh	01/10/2005			6,4	Sáu, bốn	C25KT2	
17	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia	Quỳnh	02/09/2005			5,5	Năm, năm	C25KT2	
18	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005			7,2	Bảy, hai	C25KT1	
19	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005			4,7	Bốn, bảy	C25KT1	
20	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005			4,8	Bốn, tám	C25KT1	
21	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005			5,4	Năm, bốn	C25KT1	
22	2310110027	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/12/2005			5,4	Năm, bốn	C25KT2	
23	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005			6,2	Sáu, hai	C25KT1	
24	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005			7,0	Bảy	C25KT1	
25	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005			5,5	Năm, năm	C25KT1	
26	2310110045	Lại Thụy Thanh	Trúc	11/03/2005			6,0	Sáu	C25KT2	
27	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001			5,4	Năm, bốn	C25KT1	
28	2310110046	Bùi Thị Ánh	Tuyết	17/06/2005			9,2	Chín, hai	C25KT2	
29	2310110028	Nguyễn Thị Yến	Vy	26/09/2005			2,9	Hai, chín	C25KT2	
30	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005			7,1	Bảy, một	C25KT1	
31	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001			5,7	Năm, bảy	C25KT1	
32	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005			7,1	Bảy, một	C25KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2310120002	Nguyễn Thị Như Ý	13/05/2002			7,4	Bảy bốn	C25KT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 33 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 33 / .

Số sinh viên đạt: 30 Tỷ lệ đạt: 90,9 %

Ngày: 29 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phi Hoa -

Ngày: 28 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

